TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2019

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Chung

2. Ông Hồ Quốc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau** *tham gia phiên toà:* Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Hộ khẩu: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp LG, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp LG, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2019 chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị T và anh C tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, xảy ra nhiều mâu thuẫn nên anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay. Do đó, chị T yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với anh C.

Con chung tên Nguyễn Thị T Tr, sinh ngày 16/10/2006 hiện chị T nuôi dạy nên chị yêu cầu nuôi dạy, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị T và anh C chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định là chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do đó, áp dụng Điều 14, 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị T và anh C là vợ chồng. Con chung do chị T đang nuôi dạy nên cần giao chị T tiếp tục nuôi dạy, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét; Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với bị đơn là anh Nguyễn Văn C. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Anh C có nơi cư trú tại ấp LGo, xã BB Đ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho anh C nhưng anh C không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị T và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh C nhưng anh C vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với chị T có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

[4] Về con chung: thời gian chung sống chị T và anh C có 01 người con chung cháu tên Nguyễn Thị T Tr, sinh ngày 16/10/2006 (giới tính nữ). Xét thấy, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung là có căn cứ. Bởi vì, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tống đtạ hợp lệ thông báo thụ lý để thông báo yêu cầu của chị T cho anh C biết nhưng anh C không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi dạy con chung của chị T; cháu Tr do chị T nuôi dạy nên việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu Tr; Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/3/2019 cháu Tr có yêu cầu và nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị T. Do cháu Tr đã trên 7 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của cháu Tr phù hợp theo quy định pháp luật và được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị T Tr cho chị Nguyễn Thị T nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không có nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. mặt

khác, tại xác nhận ngày 13/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận không có thụ lý đơn yêu cầu hay tranh chấp về nợ đối với chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

2.Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị T Tr, sinh ngày 16/10/2006 (giới tính nữ) cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dạy. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 13 tháng 02 năm 2019 chị T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0005935 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được chuyển thu án phí.

5.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị T và anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

-VKSND huyện Thới Bình;

-THADS huyện Thới Bình;

-TAND tỉnh Cà Mau;

-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa